

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Sơn Ken

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Mỹ Dung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trầm Văn Mừng, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim D, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp X, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Từ Chí L, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt, không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/5/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Trần Thị Kim D trình bày: Vào năm 2013, bà và ông Từ Chí L tự nguyện tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/6/2013. Sau ngày cưới vợ chồng lên thành phố tìm việc làm, vợ chồng chung sống hạnh phúc, luôn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn,

thường xuyên cự cãi nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông L không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con mà còn hay nhậu nhẹt. Từ đó, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà đã dọn ra sống ở riêng bên ngoài và vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, từ lúc ly thân không bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Từ Chí L. Về con chung: có 01 người con chung tên Từ Gia Kim N, sinh ngày 09/7/2013, hiện con đang ở với bà D, bà yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Từ Chí L đã được Tòa án triệu hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, không khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 20/6/2022 và ngày 30/6/2022; tham gia phiên tòa vào các ngày 22/7/2022 và ngày 08/8/2022 nhưng bị đơn ông Từ Chí L vắng mặt, không lý do.

Ý kiến của cháu Từ Gia Kim N, sinh ngày 09/7/2013 trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn thì con muốn ở với mẹ.

Tại biên bản tiếp xúc bà Thạch Thị L là mẹ ruột của ông Từ Chí L cho biết: Sau khi kết hôn thì vợ chồng các con lên Bình Dương tìm việc làm, nhưng mỗi năm vào dịp tết Nguyên Đán đều dẫn con về nhà thăm bà. Tuy nhiên, sau khi sinh con được 01 tuổi thì vợ chồng các con xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau và bà Trần Thị Kim D dẫn con đi và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, khi nhận được các thông báo của Tòa án thì bà có thông báo cho ông L biết nhưng ông L không chịu về, theo bà thì cuộc hôn nhân giữa bà D và ông L nếu có hàn gắn lại cũng không hạnh phúc.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Trần Thị Kim D tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn ông Từ Chí L chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

- Về nội dung vụ án: bà Trần Thị Kim D và ông Từ Chí L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của bà Trần Thị Kim D và ông Từ Chí L là hợp pháp. Sau kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn được bà Thạch Thị L là mẹ ruột ông L xác nhận là có thật. Hiện tại bà Trần Thị Kim D và ông Từ Chí L đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Trong suốt quá trình

tổ tụng, bà Trần Thị Kim D cương quyết ly hôn, do hôn nhân đã đến mức trầm trọng, còn ông L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, từ đó yêu cầu ly hôn của bà D là có cơ sở chấp nhận. Về con chung, giao cháu Từ Gia Kim N, sinh ngày 09/7/2013 cho bà D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Ngân. Về cấp dưỡng nuôi con, do bà D không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung các bên không tranh chấp và không yêu cầu nên không xét. Từ đó, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim D.

+ Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án nhân dân huyện Trà Cú đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp cho bị đơn các văn bản tố tụng từ khi thụ lý, tiếp cận, công khai, giao nộp chứng cứ và hòa giải, xét xử theo Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Trần Thị Kim D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn ông Từ Chí L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Căn cứ 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Bà Trần Thị Kim D và ông Từ Chí L xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 19/6/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hưng, huyện Trà Cú theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của bà D và ông L là hợp pháp. Sau kết hôn, bà D và ông L chung sống có 01 người con chung là thể hiện một gia đình hạnh phúc, tuy nhiên chung sống đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ năm 2015 được bà Thạch Thị L là mẹ ruột ông L xác nhận là có thật, theo bà L thì nếu có hàn gắn cũng không hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải, động viên, thuyết phục để tạo điều kiện cho bà D và ông L hàn gắn, đoàn tụ xây dựng gia đình nhưng không đạt kết quả do bà D cương quyết ly hôn, còn ông L không đến Tòa án tham gia tố tụng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông L đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ly thân từ năm 2015 đến nay, không bên nào tạo điều kiện hàn gắn chứng tỏ đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông L.

[3] Về con chung: tên Từ Gia Kim N, sinh ngày 09/7/2013 hiện đang sống với bà D và cháu Ngân có nguyện vọng sống chung bên mẹ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Ngân cho bà D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (phù hợp theo nguyện vọng của cháu Ngân). Bà D không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên Tòa án không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Căn cứ điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 177, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim D về việc yêu cầu ly hôn đối với ông Từ Chí L.

Cho bà Trần Thị Kim D được ly hôn với ông Từ Chí L.

2. Về con chung: Giao cháu Từ Gia Kim N, sinh ngày 09/7/2013 cho bà D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu Ngân).

Về cấp dưỡng bà D không có yêu cầu nên không giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009647 ngày 31/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú. Bị đơn ông Từ Chí L không phải chịu án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim D và bị đơn ông Từ Chí L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Trà Cú;
- CCTHADS huyện Trà Cú;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã P, huyện T-TV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Phúc